

YẾT MA

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, các Tỳ-kheo ở Chiêm-bà nổi lên tranh chấp, sống không hòa hợp. Một Tỳ-kheo cử tội một Tỳ-kheo, hai Tỳ-kheo cử tội hai Tỳ-kheo, nhiều Tỳ-kheo cử tội nhiều Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy: “Từ nay về sau, Ta không cho phép một người cử tội một người, cho đến nhiều người cử tội nhiều người”. Đoạn, Phật nói với các Tỳ-kheo: “Từ nay về sau nên làm yết-ma.

Yết-ma gồm có: Bốn loại yết-ma, hai loại yết-ma, một lần bạch một lần yết-ma, một lần bạch ba lần yết-ma, bốn người làm yết-ma, năm người làm yết-ma, mười người làm yết-ma, hai mươi người làm yết-ma, nếu thành tựu năm điều phi pháp, không hòa hợp thì làm yết-ma xong phải sám hối; nếu thành tựu năm điều như pháp, hòa hợp thì làm yết-ma xong không sám hối”.

1. Bốn loại yết-ma: Gồm có: phi pháp hòa hợp yết-ma; như pháp bất hòa hợp yết-ma; như pháp hòa hợp yết-ma; bất như pháp bất hòa hợp yết-ma. Đó gọi là bốn loại yết-ma.

2. Hai loại yết-ma: Bồ-tát yết-ma; cung kính yết-ma. Đó gọi là hai loại yết-ma.

3. Một lần bạch một lần yết-ma: Gồm có hai mươi tám vấn đề, đó là:

1. Xuất yết-ma.
2. Ngủ không lìa y.

3. Ngủ rời y.
4. Chỉ chỗ làm phòng.
5. Chỉ chỗ làm phòng lớn.
6. Chỉ chỗ làm phòng trước.
7. Người chia bát.
8. Người chia thăm (thẻ).
9. Thử nghiệm ngoại đạo.
10. Cột túi xách vào gậy vác đi.
11. Trông coi giường nệm.
12. Trông coi việc nấu ăn.
13. Trông coi việc phân phối người đi ăn.
14. Trông coi việc chia phòng.
15. Trông coi việc giữ y.
16. Trông coi việc thưởng y.
17. Trông coi việc chia y.
18. Trông coi việc lấy vải.
19. Trông coi việc cắt vải.
20. Trông coi việc chia vải.
21. Trông coi việc chia hoa.
22. Trông coi việc chia hương.
23. Trông coi việc chia quả.
24. Trông coi việc chia nước nóng.
25. Trông coi việc chia bánh.
26. Trông coi việc tùy ý cử tội.
27. Trông coi việc chia cháo.
28. Trông coi việc chia các vật lặt vặt.

Đó gọi là hai mươi tám việc.

4. Một lần bạch ba lần yết-ma: Gồm có tám trường hợp, đó là:

1. Hàng phục.
2. Không nói.
3. Tẩn xuất.
4. Phát hỷ.
5. Cử tội.
6. Biệt trú.
7. Ma-na-đỏa.
8. Xuất tội.

Đây thuộc về một lần bạch ba lần yết-ma.

5. Yết-ma gồm bốn người: Như Yết-ma Bồ-tát và các trường hợp

cử người thì bốn người có thể làm được. Đó gọi là yết-ma gồm bốn người.

6. Yết-ma gồm năm người: Gồm các trường hợp: thọ Tự tứ; thọ Cụ túc ở Thâu-na biên địa; tất cả các tội Ni-tát-kỳ thì năm người có thể làm được. Đó gọi là yết-ma gồm năm người.

7. Yết-ma gồm mười người: Gồm các trường hợp: Tỳ-kheo thọ cụ túc; Tỳ-kheo-ni thọ cụ túc, thì mười người được làm. Đó gọi là yết-ma gồm mười người.

8. Yết-ma gồm hai mươi người: Xuất tội Tỳ-kheo, xuất tội Tỳ-kheo-ni (?) thì hai mươi người được làm. Đó gọi là yết-ma gồm hai mươi người.

9. Làm yết-ma trong năm trường hợp phi pháp thì làm xong phải sám hối:

1. Đương sự không hiện diện.
2. Không hỏi.
3. Không nêu lỗi.
4. Làm phi pháp.
5. Không hòa hợp.

Đó gọi là làm yết-ma trong năm trường hợp phi pháp, làm xong phải sám hối.

10. Làm yết-ma trong năm trường hợp như pháp, làm xong không sám hối:

1. Đương sự hiện diện.
2. Có hỏi.
3. Hỏi xong bèn nêu lỗi.
4. Làm đúng pháp.
5. Tăng hòa hợp.

Đó gọi là làm yết-ma thuộc năm trường hợp đúng pháp, làm xong không sám hối.

Trường hợp nào cần hai mươi người làm yết-ma thì mười người làm không thành tựu. Trường hợp cần mười người làm yết-ma thì năm người làm không thành tựu. Trường hợp cần năm người làm yết-ma thì bốn người làm không thành tựu. Trường hợp cần một lần bạch ba lần yết-ma thì một lần tác bạch không thành tựu. Trường hợp cần một lần bạch một lần yết-ma thì một lần bạch không thành tựu. Trường hợp đơn bạch yết-ma mà làm yết-ma cầu thỉnh thì không thành tựu.

Trái lại, cần làm yết-ma cầu thỉnh mà tác bạch thì thành tựu. Cần tác bạch yết-ma mà bạch nhất yết-ma thì thành tựu. Cần bạch nhất yết-

ma mà bạch Tam yết-ma thì thành tự. Cần làm yết-ma với bốn người mà làm yết-ma với năm người thì thành tự. Cần làm yết-ma với năm người mà làm yết-ma với mười người thì thành tự. Cần làm yết-ma với mười người mà làm yết-ma với hai mươi người thì thành tự. Đó gọi là yết-ma.

VIỆC YẾT MA

1. Việc yết-ma Tỳ-kheo thọ cụ túc.
2. Việc yết-ma Tỳ-kheo-ni thọ cụ túc.
3. Việc yết-ma chi mẫn.
4. Việc yết-ma già pháp thanh tịnh.
5. Việc yết-ma bất cụ túc thanh tịnh.
6. Việc yết-ma không sinh giới.
7. Việc yết-ma tội căn.
8. Việc yết-ma không xả căn.
9. Việc yết-ma xả căn.
10. Việc yết-ma hòa hợp căn.

1. Việc yết-ma Tỳ-kheo thọ cụ túc:

Người thọ cụ túc cầu xin Hòa thượng; Hòa thượng dạy tìm y bát; dạy cầu Tăng chúng; dạy cầu Giới sư; dạy cầu thầy Giáo thọ dạy bảo ở chỗ thanh vắng. Do các việc ấy phát sinh ra yết-ma và bạch yết-ma. Hai vấn đề này đều thuộc về việc yết-ma thọ cụ túc của Tỳ-kheo.

2. Việc yết-ma Tỳ-kheo-ni thọ cụ túc:

Khi Tỳ-kheo-ni cho giới tử thọ cụ túc xong, liền dẫn đến giữa chư Tăng, Tăng nên hỏi Tỳ-kheo-ni: “Giới tử thanh tịnh, không có già nạn đấy chứ?”. Giới sư Ni đáp: “Thanh tịnh”. Do các việc ấy phát sinh yết-ma và bạch yết-ma. Hai việc đó đều thuộc về trường hợp yết-ma khi Tỳ-kheo-ni thọ cụ túc.

3. Việc yết-ma chi mẫn:

Người thọ giới Cụ túc đã cầu Hòa thượng, Hòa thượng đã dạy tìm y bát, dạy cầu thỉnh chúng Tăng, dạy cầu thỉnh Giới sư, dạy cầu thỉnh thầy Giáo thọ để dạy bảo ở chỗ thanh vắng, thầy Giáo thọ dẫn giới tử vào giữa Tăng, xin Tăng thọ cụ túc, hỏi về các già nạn, nói về bốn pháp y cứ. Do các việc đó mà phát sinh yết-ma và bạch yết-ma. Hai vấn đề này được gọi là việc yết-ma chi mẫn.

4. Việc yết-ma già pháp thanh tịnh:

Việc ngăn cản hợp lệ. Do vấn đề này sinh ra yết-ma và bạch yết-ma. Hai việc này đều thuộc về việc yết-ma già pháp thanh tịnh (Ngăn cản hợp lệ).

5. Việc yết-ma không đủ thanh tịnh:

Do các chi tiết không hợp lệ mà phát sinh ra yết-ma và bạch yết-ma. Hai vấn đề này đều thuộc về việc yết-ma không đủ thanh tịnh (không hợp lệ).

6. Việc yết-ma không sinh giới:

Phá hoại tịnh hạnh của Tỳ-kheo-ni, sống trong Tăng với tâm trộm pháp, kẻ lừa đảo, mắc tội ngũ nghịch, phạm tội Ba-la-di, Sa-di có tà kiến. Do các việc này phát sinh yết-ma và bạch yết-ma. Hai vấn đề này đều thuộc về việc yết-ma không sinh giới (không phát huy giới thể).

7. Việc yết-ma tội căn:

Gồm năm thiên tội là Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dạ-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Việt-tỳ-ni. Do các việc này phát sinh ra yết-ma và bạch yết-ma. Hai vấn đề này đều thuộc về việc yết-ma tội căn.

8. Việc yết-ma không xả căn:

Tỳ-kheo được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần, ở giữa chúng Tăng ba lần mà không bỏ lỗi lầm, do đó, phát sinh ra yết-ma và bạch yết-ma. Hai vấn đề này đều thuộc về việc yết-ma không xả căn (Bỏ gốc tội).

9. Việc yết-ma xả căn.

Người được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần, khuyên can ở giữa chúng Tăng ba lần liền bỏ gốc của tội. Do các việc này phát sinh yết-ma và bạch yết-ma. Hai vấn đề này đều thuộc về việc yết-ma xả căn (Bỏ gốc của tội).

10. Việc yết-ma hòa hợp căn:

Tỳ-kheo Tăng tập hợp phát thể, người không đến thì gọi dục, xướng việc Tăng hòa hợp, do các việc này phát sinh ra yết-ma và bạch yết-ma. Hai vấn đề này đều thuộc về việc yết-ma hòa hợp.

Các vấn đề vừa nêu thuộc về việc yết-ma.

Bây giờ đến các pháp yết-ma khác:

1. Yết-ma hàng phục:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, các Tỳ-kheo tại Chiêm-bà tranh chấp, cãi vã nhau, sống không hòa hợp. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Nên cho phép yết-ma hàng phục”. Pháp yết-ma hàng phục này gồm có tất cả năm việc, được Phật

chế định tại thành Xá-vệ. Đó là:

1. Tám trường hợp quan hệ thân mật.
2. Thường thường phạm tội.
3. Đi đến những bạn bè xấu ác tại chỗ không nên đến mà đi sớm về trễ.

4. Tranh chấp cãi vã nhau.

5. Tôn kính người nhỏ tuổi.

1. Tám trường hợp quan hệ thân mật:

a. Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, Tỳ-kheo Từ Địa dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật (Với người khác).

Dùng thân quan hệ thân mật nghĩa là cùng ngồi chung một giường, ngủ chung một giường, ăn chung một bát, mặc chung y phục, cùng đi cùng về. Đó gọi là dùng thân quan hệ thân mật.

Dùng miệng quan hệ thân mật nghĩa là hai bên có tâm ô nhiễm, nói những lời quyến luyến nhau. Đó gọi là dùng miệng quan hệ thân mật.

Dùng thân miệng quan hệ thân mật nghĩa là cùng ngồi một giường, ngủ một giường, ăn một bát, mặc y phục chung, cùng đi cùng về. Khi nói, thì nói những lời quyến luyến nhau với tâm ô nhiễm. Đó gọi là dùng thân miệng quan hệ thân mật.

Thế rồi, các Tỳ-kheo khuyên can: “Trưởng lão Tỳ-kheo Từ Địa, thầy đừng dùng thân quan hệ thân mật, dùng miệng quan hệ thân mật, dùng thân miệng quan hệ thân mật (Với người khác)”. Khuyên can như vậy một lần không bỏ, thậm chí đến ba lần cũng không bỏ. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Nếu Tỳ-kheo Từ Địa nầy dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật (Với người khác) mà khuyên can ba lần không bỏ, thì Tăng nên làm yết-ma hàng phục về việc dùng thân quan hệ thân mật (Với người khác). Thầy yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Từ Địa dùng thân quan hệ thân mật (với người khác), đã được khuyên can ba lần mà không bỏ. Tăng nay cho Tỳ-kheo Từ Địa pháp yết-ma hàng phục về việc dùng thân quan hệ thân mật (với người khác). Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Từ Địa dùng thân quan hệ thân mật với người khác, Tăng đã khuyên can ba lần mà không bỏ. Nay Tăng cho Tỳ-kheo Từ Địa pháp yết-ma hàng phục về việc dùng thân quan hệ thân mật với người khác. Các Đại đức nào bằng lòng Tăng cho

Tỳ-kheo Từ Địa pháp yết-ma hàng phục về việc dùng thân quan hệ thân mật với người khác, thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy.)

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo Từ Địa pháp yết-ma hàng phục về việc dùng thân quan hệ thân mật với người khác, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Vấn đề dùng miệng quan hệ thân mật, dùng thân miệng quan hệ thân mật cũng nói như thế.

b. Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Ưu-đà-di dùng thân quan hệ thân mật, dùng miệng quan hệ thân mật, dùng thân miệng quan hệ thân mật với Tỳ-kheo-ni Hiếu Sinh. Dùng thân quan hệ thân mật nghĩa là tay nắm trong tay, cùng ngồi, cùng mặc chung y phục. Đó gọi là dùng thân quan hệ thân mật.

Dùng miệng quan hệ thân mật nghĩa là nói những lời quyến luyến với nhau bằng tâm ô nhiễm. Đó gọi là dùng miệng quan hệ thân mật.

Dùng thân miệng quan hệ thân mật nghĩa là tay nắm trong tay cùng ngồi, cùng mặc chung y phục, dùng tâm ô nhiễm nói với nhau bằng những lời quyến luyến. Đó gọi là thân miệng quan hệ thân mật.

Khi ấy, các Tỳ-kheo khuyên can: “Trưởng lão Ưu-đà-di, thầy đừng dùng thân quan hệ thân mật, dùng miệng quan hệ thân mật, dùng thân miệng quan hệ thân mật với Tỳ-kheo-ni Hiếu Sinh”. Khuyên can một lần, hai lần, ba lần như vậy mà không bỏ. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: “Ông Ưu-đà-di này với Tỳ-kheo-ni Hiếu Sinh dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật mà can gián ba lần không bỏ thì Tăng nên cho pháp yết-ma hàng phục về việc dùng thân quan hệ thân mật. Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Thầy Ưu-đà-di này với Tỳ-kheo-ni Hiếu Sinh dùng thân quan hệ thân mật, Tăng đã khuyên can ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Ưu-đà-di pháp yết-ma hàng phục về việc dùng thân quan hệ thân mật. Đây là lời tác bạch.

Bạch xong, ba lần yết-ma, cho đến... Vì Tăng bằng lòng nên im lặng, tôi ghi nhận như vậy.

Về miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật cũng nói như trên.

c. Lại nữa, bấy giờ Tỳ-kheo Bạt-đà-lê với Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-thi-lê dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng

quan hệ thân mật, cũng giống như trong trường hợp Ưu-đà-di ở trên đã nói rõ.

d. Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ Tỳ-kheo Tô-tỳ-đề cùng với Tỳ-kheo-ni Tô-tỳ-đề-di sống quan hệ thân mật về thân, quan hệ thân mật về miệng, quan hệ thân mật về thân miệng như trong trường hợp Tỳ-kheo-ni Hiếu Sinh ở trên đã nói rõ.

e. Lại nữa, bấy giờ có Tỳ-kheo đến nhà cư sĩ cùng với vợ ông dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật. Thân quan hệ thân mật nghĩa là cùng với phụ nữ tay nắm trong tay cùng ngồi, đem hương, hoa, quả, đưa đưa cho nhau, nhờ người khác làm liên lạc. Đó gọi là dùng thân quan hệ thân mật.

Miệng quan hệ thân mật nghĩa là nói với nhau bằng những lời quyến luyến với tâm ô nhiễm. Đó gọi là miệng quan hệ thân mật.

Thân miệng quan hệ thân mật thì giống như hai trường hợp trên đã nói đầy đủ. Đó gọi là thân miệng quan hệ thân mật.

Khi ấy, các Tỳ-kheo khuyên can: “Trưởng lão, thầy đừng dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật với đàn bà”, khuyên can như vậy đến ba lần mà không bỏ. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, cũng như trường hợp Ưu-đà-di đã nói rõ ở trên.

f. Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo cùng với người bất năng nam (Lại cái) dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật. Thân quan hệ thân mật nghĩa là tay nắm trong tay, cùng ngồi, cùng đi cùng về. Đó gọi là thân quan hệ thân mật.

Miệng quan hệ thân mật nghĩa là nói với nhau bằng những lời thân thiện với tâm ô nhiễm. Đó gọi là miệng quan hệ thân mật.

Thân miệng quan hệ thân mật thì như hai việc trên đã nói đầy đủ. Đó gọi là thân miệng quan hệ thân mật.

Khi ấy, các Tỳ-kheo khuyên can: “Trưởng lão, thầy đừng dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật với kẻ bất năng nam”. Khuyên can như vậy đến ba lần mà không bỏ. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, cũng như trường hợp Ưu-đà-di ở trên đã nói rõ.

g. Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Ưu-đà-di với đệ tử đồng hành, dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật, cũng như trong trường hợp Tỳ-kheo Từ Địa ở trên đã nói rõ.

h. Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Xiển-đà dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật với đồng tử, cũng như trong trường hợp Tỳ-kheo Từ Địa ở trên đã nói rõ.

Trên đây là tám trường hợp sống quan hệ thân mật.

2. Thường thường phạm tội:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ, Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà thường thường vi phạm các tội thuộc năm Thiên tội. Các Tỳ-kheo khuyên can: “Trưởng lão, thầy đừng vi phạm các tội thuộc năm Thiên tội”. Được khuyên can như vậy một lần không bỏ, khuyên can lần thứ hai không bỏ, khuyên can đến lần thứ ba cũng không bỏ. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: “Nếu ông Thi-lợi-da-bà thường thường phạm các tội trong năm Thiên tội, thì hãy làm pháp yết-ma hàng phục về việc thường thường phạm tội ấy. Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà nầy thường thường phạm tội, đã được khuyên can ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, nay Tăng cho Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà pháp yết-ma hàng phục về việc thường thường phạm tội. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà thường thường phạm tội, đã được khuyên can đến ba lần mà không bỏ. Nay Tăng cho Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà pháp yết-ma hàng phục về việc thường thường phạm tội. Các đại đức nào bằng lòng Tăng cho Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà pháp yết-ma hàng phục về việc thường thường phạm tội thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà pháp yết-ma hàng phục về việc thường thường phạm tội, vì Tăng đã im lặng. Tôi ghi nhận việc nầy là như vậy.

Đó gọi là thường thường phạm tội.

3. *Đi vào thôn xóm quá sớm, đi về quá tối, làm bạn với kẻ xấu, kẻ ác, cùng đi đến những chỗ không nên đến.*

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ, Tỳ-kheo Ca-lộ đi vào thôn xóm quá sớm, đi về quá tối, kết bạn với kẻ ác, kẻ xấu, đi đến những nơi không nên đến.

Đi đến quá sớm nghĩa là đi vào thôn xóm quá sớm. Đi về quá tối nghĩa là rời khỏi thôn xóm quá tối. Kết bạn với kẻ ác nghĩa là kết bạn với kẻ quản tượng, chặn ngựa, kẻ cắp, quân ăn cướp, đũa đánh

xúc xấu, kết thân với những kẻ như vậy gọi là kết bạn với kẻ ác. Làm bạn với kẻ xấu thì cũng như các bạn ác kể trên. Đi đến chỗ không nên đến nghĩa là đến nhà đàn bà góa, nhà con gái lớn tuổi chưa có chồng, nhà dâm nữ, nhà kẻ lại cái, Tỳ-kheo-ni bị tiếng xấu, Sa-di-ni bị tiếng xấu. Đó gọi là đến chỗ không nên đến.

Trong các trường hợp ấy, các Tỳ-kheo khuyên can: “Trưởng lão, thầy đừng ra đi quá sớm, trở về quá tối, (Cho đến...) đi tới chỗ Sa-di-ni bị tiếng xấu”. Nhưng khuyên can một lần, hai lần, ba lần vẫn không bỏ. Do vậy, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo: “Nếu Tỳ-kheo Ca Lộ ra đi quá sớm, trở về quá tối, cho đến đi tới những chỗ không nên đến, rồi được khuyên can đến ba lần mà không bỏ, thì Tăng nên làm yết-ma hàng phục về việc đi vào thôn xóm quá sớm. Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Ca-Lộ đi vào thôn xóm quá sớm, rồi được khuyên can đến ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca Lộ pháp yết-ma hàng phục về việc đi vào thôn xóm quá sớm này. Đây là lời tác bạch. (Bạch xong, ba lần yết-ma, cho đến) Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng, việc này tôi ghi nhận như vậy.

Vấn đề trở về quá tối, kết bạn với kẻ xấu, kẻ ác, đi đến những chỗ không nên đến (Cách khuyên can và làm yết-ma) cũng như thế.

4. Tranh chấp cãi vã nhau:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo Mã Túc tự cao, tự đại tranh luận cãi vã với người khác. Các Tỳ-kheo bèn khuyên can: “Trưởng lão Tỳ-kheo Mã Túc, thầy đừng có tranh cãi”. Khuyên can như vậy một lần không bỏ, hai lần, ba lần cũng không bỏ. Các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: “Khi năm điều sau đây hiện hữu thì biết là sự tranh cãi sẽ phát sinh. Đó là:

- a. Yết-ma đúng pháp mà nói là phi pháp.
- b. Tập họp đúng pháp mà nói là phi pháp.
- c. Xuất tội đúng pháp mà nói là phi pháp.
- e. Xả vật đúng pháp mà nói là phi pháp.
- f. Kết tội đúng pháp mà nói là phi pháp.

Đó gọi là năm điều phi pháp. Trái với năm điều trên thì gọi là đúng pháp. Các Tỳ-kheo nên khuyên bảo như sau: “Này Trưởng lão, Tỳ-kheo cần phải thành tựu năm pháp sau đây khi vào trong chúng. Đó là:

- a. Nói nhỏ nhẹ khi vào trong chúng.
- b. Khi nghe yết-ma phải tin tưởng.
- c. Đã tin tưởng thì phải tuân hành.
- e. Nếu thấy yết-ma không đúng pháp mà không thể ngăn cản được thì nên gởi dục.
- f. Nếu không thể gởi dục thì nên cho Tỳ-kheo ngồi bên cạnh biết là mình không bằng lòng”.

Khi Tỳ-kheo nghe những lời khuyên bảo ấy liền nói: “Tôi biết nói năng khéo léo, vì sao phải nói nhỏ khi vào trong chúng? Tôi cũng là kẻ đa văn, vì sao nghe yết-ma liền phải tin? Tôi biết rõ phép tắc, vì sao nghe liền phải tuân hành? Tôi cũng thông thạo yết-ma, vì sao nghe yết-ma không đúng pháp lại không thể ngăn cản mà phải gởi dục? Tôi đã đến được, vì sao phải báo người ngồi bên cạnh biết là mình không bằng lòng? Tôi sẽ ngăn cản”.

Phật nói với các Tỳ-kheo: “Khi năm pháp hiện hữu khiến sự tranh chấp phát sinh, thì Tăng nên làm yết-ma hàng phục. Năm pháp đó là:

- a. Tự cao.
- b. Tính tình thô lỗ, hung ác.
- c. Nói những lời vô nghĩa.
- e. Nói không đúng lúc.
- f. Không thân cận với người thiện.

Đó gọi là năm pháp hiện hữu Tăng nên làm yết-ma hàng phục. Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mã Túc tự cao, tranh luận cãi vã với người khác, được khuyên can ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay làm yết-ma hàng phục Tỳ-kheo Mã Túc về tính tự cao. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mã Túc tự cao, tranh luận cãi vã với người khác, đã được khuyên can ba lần mà không bỏ. Nay Tăng làm yết-ma hàng phục Tỳ-kheo Mã Túc về tính tự cao. Các đại đức nào bằng lòng Tăng làm yết-ma hàng phục Tỳ-kheo Mã Túc về tính tự cao thì im lặng. Ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy).

Tăng đã bằng lòng làm yết-ma hàng phục Tỳ-kheo Mã Túc về tính tự cao xong, vì Tăng im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

Bốn việc sau cũng nói như thế.

5. Tôn kính người nhỏ tuổi:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-

kheo Xiển-đà độ một chàng trai trẻ xuất gia, rồi tự mình lo cung cấp các thứ. Buổi sáng sớm thầy đến vấn an, đem đồ đồ đại tiểu tiện và ống nhổ cho y, rồi đem để lại chỗ cũ. Thầy lại xoa bóp thân thể, trao cho y bát, rồi cùng vào xóm làng, nhường cho y đi trước. Khi đến nhà đàn-việt, thầy lại bảo y ngồi ở chỗ cao, nhận phần cúng dường trước. Khi y ăn xong, thầy lấy bát đem rửa sạch rồi cất lại chỗ cũ, đồng thời nhuộm y, hơ bát, trải giường nệm cho y. Khi đêm đến, thầy thắp đèn, đem ống nhổ và xô đại tiểu tiện đến cho y. Các Tỳ-kheo thấy thế bèn khuyên can: “Này Trưởng lão, thầy đừng cung cấp cho người trẻ, người trẻ phải cung cấp cho thầy chứ”. Thầy đáp: “Đúng như Trưởng lão nói. Nhưng chàng trai trẻ này trước kia vốn là nhạc sĩ xuất gia, cho nên tôi rất ái mộ, tôn kính và tự thấy hổ thẹn, phải lo cung cấp cho y”.

Các Tỳ-kheo khuyên can như vậy một lần không bỏ, rồi khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba cũng không bỏ. Do thế, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Xiển-đà đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi đầy đủ sự việc kể trên:

- Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Này kẻ ngu si! Đối với Như Lai, ông không ái mộ, tôn kính, hổ thẹn, tùy thuận, mà trái lại, đối với anh chàng tuổi trẻ, ông lại tỏ ra ái mộ, tôn kính, hổ thẹn, tùy thuận như thế.

Đoạn, Phật bảo các Tỳ-kheo: “Vì Tỳ-kheo Xiển-đà ái mộ người còn trẻ, vậy Tăng nên làm yết-ma hàng phục về việc ái mộ, cung cấp cho người còn trẻ. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà ái mộ, tôn kính cung cấp hầu hạ người còn trẻ, đã được khuyên can ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay làm yết-ma hàng phục Tỳ-kheo Xiển-đà về việc ái mộ, cung cấp cho người còn trẻ. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà ái mộ, cung cấp cho người còn trẻ, đã được khuyên can ba lần mà không bỏ. Tăng nay làm yết-ma hàng phục Tỳ-kheo Xiển-đà về việc ái mộ, cung cấp cho người còn trẻ. Các đại đức nào bằng lòng Tăng làm yết-ma hàng phục Tỳ-kheo Xiển-đà về việc ái mộ, cung cấp cho người còn trẻ thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là lần yết-ma thứ nhất. (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng làm yết-ma hàng phục Tỳ-kheo Xiển-đà về việc ái mộ, cung cấp cho người còn trẻ, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc

này là như vậy.

Về các vấn đề tôn kính, hổ thẹn, tùy thuận cũng nói như thế. Đó gọi là yết-ma hàng phục.

2. Yết-ma không nói chuyện:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo Mã Túc đã được Tăng làm yết-ma hàng phục mà không tuân hành, việc đáng làm mà không làm, việc đáng bỏ mà không bỏ. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Nếu Tỳ-kheo Mã Túc đã được Tăng làm yết-ma hàng phục mà không tuân hành, việc nên làm thì không làm, việc nên bỏ thì không bỏ, thì Tăng nên làm yết-ma không nói chuyện. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mã Túc này đã được Tăng làm yết-ma hàng phục mà không tuân hành, việc nên làm thì không làm, việc nên bỏ thì không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay làm yết-ma không nói chuyện với Tỳ-kheo Mã Túc. Đây là lời tác bạch. (Bạch xong, ba lần yết-ma, cho đến) Tăng bằng lòng nên im lặng, tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, có một người lẩn thẩn xuất gia, thường phạm các giới nhỏ như ăn riêng chúng, ăn nhiều chỗ, cất thức ăn mà ăn, cùng ăn chung bát với người khác, ngủ cùng phòng với phụ nữ, ngủ chung với người khác quá ba đêm, cùng ngủ chung một giường, cùng ngồi một giường, ăn trái cây không hợp lệ, nhận thịt sống, nhận thóc, nhận vàng bạc. Các Tỳ-kheo bèn khuyên can: “Trưởng lão, không nên làm những việc đó”. Thầy đáp: “Trưởng lão đã bảo tôi, tôi sẽ tuân hành”. Các Tỳ-kheo tự nhủ: “Ông thầy lẩn thẩn này có tâm tu hành”. Nhưng sau đó, thầy thường thường phạm các tội nhỏ như ăn riêng chúng, cho đến nhận vàng bạc. Các Tỳ-kheo lại khuyên can: “Này ông thầy lẩn thẩn, thầy không nên làm những việc ấy”. Thầy đáp: “Trưởng lão đã cho tôi biết, tôi sẽ tuân hành”. Thế nhưng, sau đó lại thường thường vi phạm. Các Tỳ-kheo tự nhủ: “Ông thầy lẩn thẩn này xuất gia mà không biết tri ân, không thuận theo lời chỉ bảo, quanh co, không thật, không muốn tu học”. Rồi các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Ông thầy lẩn thẩn ấy xuất gia mà không biết tri ân, không thuận theo lời chỉ bảo, vậy Tăng nên làm yết-ma không nói chuyện. Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Ông thầy lẩn thẩn này xuất gia mà không biết tri ân, không thuận theo lời chỉ bảo. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng làm yết-ma không nói chuyện với ông thầy lẩn thẩn này.

Đây là lời tác bạch. (Bạch xong, ba lần yết-ma, cho đến) Vì Tăng bằng lòng nên im lặng, tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Đó gọi là pháp yết-ma không cùng nói chuyện.

3. Pháp yết-ma tấn xuất:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo đang ở tại ấp Ca-thi, làm những việc trái oai nghi, nói những lời trái oai nghi, hành động và nói năng trái oai nghi; thân làm điều tai hại, miệng nói lời tai hại, thân miệng gây tai hại; thân làm việc tà vạy, miệng nói điều tà vạy, thân miệng đều tà vạy, như trong giới Tăng-già-bà-Thi-sa, khi nhóm sáu Tỳ-kheo ở thôn Hắc Sơn trên kia đã nói rõ. Đó gọi là yết-ma tấn xuất.

4. Pháp yết-ma phát hỷ:

Pháp yết-ma này gồm có các trường hợp:

1. Hỷ Ưu-bà-di.
2. Xá-na-giai.
3. Du ngao ngư tử.
4. Ca-lộ.
5. Ma-ha-nam.
6. Nhóm sáu Tỳ-kheo.

1. Hỷ Ưu-bà-di.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Lúc ấy, Nan-đà du hành các nước, rồi trở về Xá-vệ. Vào buổi sớm, thầy khoác y thường mặc, cầm bát, đi đến nhà Ưu-bà-di. Hỷ Ưu-bà-di trông thấy, rất hoan hỷ, đon đả chào hỏi: “Lành thay sư phụ! Vì sao mà ít đến quá vậy?”, liền mời ngồi. Ngồi xong, Nan-đà nói:

- Tôi ít khi đến, vậy bà định cúng dường thứ gì đây?
- Tùy thầy cần gì thì cúng dường nấy, hoặc bữa ăn trước, hoặc bữa ăn sau, hoặc cháo, bánh, trái, tùy thầy cần thứ gì, thì con sẽ làm.
- Tôi cần bữa ăn trước, hãy nấu cho ngon.
- Y theo lời dạy, con sẽ nấu thật ngon, xin thầy sáng mai hãy đến sớm.

Nan-đà nói thế rồi, liền ra đi. Sau đó, Ưu-bà-di sáng sớm thức dậy, sắm sửa bữa ăn sớm ngon lành, trải chỗ ngồi, rồi lần hồi chờ đợi. Nhưng Nan-đà vì nhiều việc nên quên mất, không đến. Ưu-bà-di chờ đợi đã quá giờ mà không thấy đến, bèn chọn những thức ăn ấy thứ nào để dành được thì để dành, thứ nào không để dành được thì ăn. Đợi như thế đến ngày thứ hai, thứ ba vẫn không thấy đến, liền đem ra ăn hết. Tới ngày thứ tư, Nan-đà mới đến, hỏi: “Ưu-bà-di khỏe chứ?”. Ưu-bà-di

tức giận, nói:

- Sư phụ đã nhận lời mời của con đến ăn bữa ăn sớm, vì sao không tới?

- Ưu-bà-di tức giận sao?

- Tức giận.

- Nếu vậy, tôi xin sám hối.

- Thầy hãy đến sám hối với Đức Thế Tôn.

Nan-đà bèn đi đến sám hối với Phật. Phật hỏi: “Vì cớ gì mà sám hối?”. Nan-đà liền đem sự việc kể trên bạch đầy đủ với Phật. Phật khể trách: “Nầy kẻ ngu si! Ưu-bà-di nầy đối với Phật và các Tỳ-kheo Tăng không hề tiếc rẻ một thứ gì. Vậy, vì sao ông lại nhiều loạn người ta?”. Thế rồi, Phật bảo các Tỳ-kheo: “Ưu-bà-di nầy là một người có niềm tin kiên cố, thế mà Nan-đà đã nhiều loạn khiến cho bà không vui. Vậy nay Tăng nên cho Nan-đà pháp yết-ma phát hỷ. Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Nan-đà đã nhiều loạn người thế tục sinh tâm không hoan hỷ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Nan-đà pháp yết-ma làm cho người thế tục sinh tâm hoan hỷ. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Nan-đà đã nhiều loạn người thế tục, làm cho họ không hoan hỷ. Tăng nay cho Nan-đà pháp yết-ma làm cho người thế tục sinh tâm hoan hỷ. Các Đại đức nào bằng lòng Tăng cho Nan-đà pháp yết-ma làm cho người thế tục sinh tâm hoan hỷ thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Nan-đà pháp yết-ma làm cho người thế tục sinh tâm hoan hỷ, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc nầy là như vậy.

Đó gọi là Hỷ Ưu-bà-di (Làm cho Ưu-bà-di sinh tâm hoan hỷ).

2. Xá-na-giai:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, cư sĩ Chất-đế-lệ mời Tăng về cúng dường thuốc. Nhóm sáu Tỳ-kheo nghe thế, liền bảo nhau: “Cư sĩ mời Tăng về cúng dường thuốc, chúng ta hãy đến thử nghiệm ông ta”. Thế rồi đến giờ khát thực, bèn khoác y thường mặc, cầm bát đi đến nhà ấy, chào hỏi nhau xong, liền hỏi:

- Tôi nghe nói cư sĩ mời Tăng về cúng dường thuốc, có thật thế không?

- Đúng như vậy. Thầy cần thuốc sao?

- Tôi cần một gánh Xá-na-giai.

- Đợi con tìm có rồi sẽ đưa.

- Kỳ quái, không chuẩn bị thuốc trước mà lại mời Tăng? Ông không biết sao? Thuốc của một Tỳ-kheo uống bằng thức ăn của con voi chúa to lớn trên núi Tuyết. Ông không thực tâm cúng dường, mà chỉ cầu danh.

- Thưa thầy, trong kho của nhà vua cũng chưa đủ chừng ấy thuốc, huống gì nhà con, đợi con tìm có rồi sẽ đưa thầy.

- Cho hay không cho tùy ý ông.

Nói xong, thầy liền bỏ đi. Sau đó, cư sĩ sai người đến xóm Tượng, nước Câu-lân-đề, tìm được Xá-na-giai, bèn đến thưa: “Thưa thầy, con đã tìm được Xá-na-giai, thầy hãy tới lấy”. Nghe nói thế, họ bèn nhìn nhau cười khúc khích. Cư sĩ liền chê trách:

- Vì sao lại nhìn nhau cười khúc khích mà không lấy? Những vật sở hữu trong nhà con, đối với Phật và Tỳ-kheo Tăng không hề tiếc bất cứ một thứ gì, Tôn giả vì sao lại thử con?

- Cư sĩ nổi giận sao?

- Nổi giận chứ sao nữa.

- Nếu nổi giận thì tôi xin sám hối.

- Thầy hãy đến Đức Thế Tôn mà sám hối.

Như trường hợp hỷ Ưu-bà-di ở trên đã nói rõ.

3. *Du ngao ngư tử.*

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, cư sĩ Chát-đế-lệ sắm một trăm món ăn dùng để đãi Tăng. Khi Tăng ăn xong trở về Tinh xá, cư sĩ bèn ra lệnh cho vợ con trong nhà: “Hãy xử lý các thức ẩm thực còn thừa, đem cho các nhà lán giềng, tôi muốn đến thăm viếng Đức Thế Tôn”.

Lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo đang ở trước cổng Tinh xá Kỳ-Hoàn, bàn luận về những việc thế tục. Cư sĩ thấy thế, suy nghĩ: “Đây là những kẻ phi giới luật, nhưng nếu ta không đến chào thì họ sẽ oán hận”, liền đi tới chào hỏi chúc tụng. Tỳ-kheo bèn đáp:

- Lành thay đàn-việt đã đến đây, giống như thớt voi lớn.

Cư sĩ liền hỏi:

- Hôm nay Tôn giả có đến thọ trai nhà con không?

- Có đến thọ trai.

- Thưa Tôn giả, thức ăn có vừa ý không?

- Thật tuyệt vời, chỉ thiếu có một thứ thôi.

- Thiếu thứ gì vậy?

- Nếu được Du ngao ngư tử - một thức ăn nổi danh thì thí chủ được

tiếng tốt trọn vẹn.

- Thừa Tôn giả, trước đây con không biết. Nếu biết trước thì con sẽ sắm thật nhiều, để cho mỗi người một bát. Nhưng thừa Tôn giả, hãy nghe con nói ví dụ: Trong thời quá khứ, có một bầy gà sống trong rừng Nai Lâm, rồi có một con chồn, bắt ăn thịt dần các con gà trống, cuối cùng, chỉ còn một con gà mái. Sau đó, có con quạ đến giao phối, bèn sinh một gà con. Khi gà con kêu, người chủ bèn đọc kệ:

*“Gà này chẳng giống ai,
Cha hoang, mẹ dân dã.
Cả hai hợp lại sinh,
Chẳng quạ, cũng chẳng gà.
Nếu muốn học tiếng cha,
Thì là do mẹ sinh.
Nếu học theo tiếng mẹ,
Thì cha lại là quạ.
Học quạ thành tiếng gà,
Học gà thành tiếng quạ,
Quạ, gà đều cùng học,
Cả hai hóa bất thành”.*

Cũng vậy đó Tôn giả, thầy không phải là người thế tục mà cũng chẳng phải kẻ xuất gia.

- Cư sĩ nổi giận sao?

- Nổi giận.

- Nếu nổi giận, thì tôi xin lỗi.

- Hãy đến Thế Tôn mà xin lỗi.

Thế rồi, nhóm sáu Tỳ-kheo bèn đi đến chỗ Phật, hướng về Ngài mà sám hối. Phật liền hỏi: “Vì cớ gì mà sám hối?”. Nhóm sáu Tỳ-kheo bèn đem sự kiện trên bạch đầy đủ với Thế Tôn. Phật khiển trách: “Này kẻ ngu si, những vật sở hữu trong nhà của cư sĩ Chất-đế-lệ, đối với Phật và các Tỳ-kheo Tăng, ông không hề luyến tiếc bất cứ một thứ gì, vì sao lại quý nhiều ông?”. Đoạn, Phật nói với các Tỳ-kheo: “Ông cư sĩ này dùng túc mạng thông, thấy nhóm sáu Tỳ-kheo ngày xưa từng làm con của gà và quạ, cho nên nói như thế. Vậy, Tăng nên cho nhóm sáu Tỳ-kheo pháp yết-ma làm cho người thế tục vui lòng. Cách làm giống như trong trường hợp làm vui lòng Ưu-bà-di ở trên đã nói rõ”.

4. Ca-lộ:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo đến giờ khát thực, liền khoác y, cầm bát vào thành khát thực, lần lượt đến cổng một

nhà kia, thấy ông chồng đang ngồi giữa sân, bảo bà vợ:

- Bà hãy cúng dường thức ăn cho người xuất gia.
- Xuất gia theo đạo nào?
- Xuất gia theo dòng họ Thích.
- Không cho.
- Vì sao không cho?
- Vì người ấy phi phạm hạnh.

Lúc ấy, Tỳ-kheo nói:

- Nay chị em, tôi không phải là người phi phạm hạnh.
- Tôn giả Ca Lô còn không thể tu phạm hạnh, huống gì là ông mà có thể tu phạm hạnh được sao?

Tỳ-kheo nghe lời nói ấy, cảm thấy buồn bực không vui, bèn không đi khát thực, trở về tọa thiền. Đến xế, thầy xuất thiền, thấy thân thể đói khát rã rời, bèn đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi đứng sang một bên. Phật tuy biết nhưng vẫn hỏi:

- Nay Tỳ-kheo, vì sao ông có vẻ đói lả như thế?
- Vì con không được ăn, bạch Thế Tôn.
- Ông không thể đi khát thực sao?

Thầy bèn đem sự kiện kể trên bạch đầy đủ với Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: “Tỳ-kheo Ca Lô này đã làm cho người thế tục không vui, vậy Tăng nên làm yết-ma khiến Ca-lô phải làm cho người thế tục hoan hỷ, như trong trường hợp làm vui lòng Ưu-bà-di ở trên kia đã nói rõ. Đó gọi là Ca Lô”.

5. *Ma-ha-nam:*

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, một người họ Thích là Ma-ha-nam mời Tăng về nhà cúng dường thuốc. Khi nghe thế, Nan-đà, Ưu-bà-nan-đà bảo nhau: “Chúng ta đến thử ông này chơi”. Thế rồi, đến giờ khát thực họ bèn khoác y, đi đến nhà ấy, cùng chào hỏi, rồi nói:

- Tôi nghe nói đàn-việt định mời Tăng về cúng dường thuốc, có đúng thế không?

- Đúng vậy. Nhưng Tôn giả cần thuốc sao?

- Vâng. Tôi cần chừng ấy bình sữa, chừng ấy bình dầu, chừng ấy bình mật, chừng ấy đường phèn, chừng ấy rễ thuốc, lá thuốc, hoa thuốc, trái thuốc.

- Thưa Tôn giả, ngay ngày hôm nay thì không thể có chừng ấy thuốc, phải tìm rồi mới đưa được.

Nan-đà liền nói:

- Sao kỳ vậy, Đàn-việt không chuẩn bị thuốc trước mà lại mời các

Tỳ-kheo Tăng. Ông không biết sao, thuốc một Tỳ-kheo uống bằng thức ăn của một thớt voi lớn trên núi tuyết kia chứ? Ông không muốn cúng dường mà chỉ mong cầu danh thôi.

- Thưa Tôn giả, trong kho của vua còn chưa đủ chừng ấy thuốc hưởng gì nhà con, để con tìm đủ rồi con sẽ đưa cho.

- Cho hay không cho mặc ý ông.

Nói thế xong, thầy liền bỏ đi. Sau đó, cư sĩ tìm được thuốc, liền đến bạch: “Thưa Tôn giả, hôm nay thầy có thể đến lấy”. Hai người nghe thế, bèn nhìn nhau cười chúm chiểm. Đản-việt liền chê trách: “Vì sao lại thử con rồi nhìn nhau mà cười? Khi chưa có thì đến đòi gấp rút, bây giờ tìm có rồi thì lại không lấy”. Nan-đà nói:

- Đản-việt nổi giận sao?

- Nổi giận.

- Nếu nổi giận thì tôi xin sám hối.

- Thầy hãy đến Thế Tôn mà sám hối.

Nan-đà bèn đi đến chỗ Phật sám hối. Phật hỏi: “Vì cớ gì mà sám hối?”. Thầy liền đem sự việc trên bạch đầy đủ với Thế Tôn. Đức Phật khiển trách: “Nầy kẻ ngu si. Những vật sở hữu trong nhà của Ma-ha-nam, đối với Phật và các Tỳ-kheo Tăng, ông không hề tiếc rẻ một thứ gì, vì sao lại quấy nhiễu ông ta?”. Đoạn, Phật nói với các Tỳ-kheo: “Tăng nên cho Nan-đà pháp yết-ma làm cho người thế tục vui lòng, như trường hợp làm vui lòng Ưu-bà-di ở trên đã nói rõ”. Đó gọi là Ma-ha-nam.

6. Nhóm sáu Tỳ-kheo.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo ở tại ấp Ca-thì, thân trái oai nghi, miệng trái oai nghi, thân miệng trái oai nghi; thân làm hại, miệng làm hại, thân miệng làm hại; thân tà mạng, miệng tà mạng, thân miệng tà mạng, cho đến... làm cho người thế tục không hoan hỷ.

Phật liền bảo các Tỳ-kheo: “Tăng nên cho nhóm sáu Tỳ-kheo pháp yết-ma làm cho người thế tục vui lòng, như trường hợp làm vui lòng Ưu-bà-di ở trên đã nói rõ. Đó gọi là nhóm sáu Tỳ-kheo.

Tóm lại, trên đây là sáu pháp yết-ma phát hỷ.

“Thọ Cụ túc phi pháp,

Chi mãn, không thanh tịnh.

Yết-ma, sự yết-ma,

Hàng phục, không nói chuyện.

Tần xuất, phát hoan hỷ.

Hết Bạt-cừ thứ nhất”.

5. *Yết-ma cử tội.*

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội trong năm Thiên tội. Các Tỳ-kheo liền nói:

- Trưởng lão, thầy có thấy tội này không?

- Không thấy. Thầy hỏi tôi thấy hay không thấy để làm gì?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo: “Tỳ-kheo Xiển-đà này thường phạm các tội trong năm Thiên tội mà tự nói không thấy tội thì Tăng nên làm yết-ma cử tội không thấy tội”. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội trong năm Thiên tội mà tự nói không thấy tội. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay làm yết-ma cử tội Tỳ-kheo Xiển-đà về việc không thấy tội. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội trong năm Thiên tội mà tự nói không thấy tội, Tăng nay làm yết-ma cử tội Tỳ-kheo Xiển-đà về việc không thấy tội. Đại đức nào bằng lòng thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng làm yết-ma cử tội Tỳ-kheo Xiển-đà về việc không thấy tội, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Sau khi Tăng làm yết-ma cử tội xong, Xiển-đà nói với các Tỳ-kheo: “Thưa Trưởng lão, tôi thấy những việc cần phải làm đối với tội ấy nên đã tùy thuận chấp hành. Nay xin Tăng thương xót xả pháp yết-ma cử tội không thấy tội cho tôi”.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo: “Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội trong năm Thiên tội mà tự nói không thấy. Vì muốn cho ông được lợi ích, Tăng đã làm pháp yết-ma cử tội. Những việc cần làm, ông đã tùy thuận chấp hành. Tự nói đã thấy tội. Vậy Tăng nên xả pháp yết-ma cử tội về việc không thấy tội”. Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội trong năm Thiên tội, mà tự nói không thấy tội. Vì muốn cho thầy được lợi ích nên Tăng đã cho pháp yết-ma cử tội về việc không thấy tội. Những việc cần làm thầy đã tùy thuận chấp hành. Nay tự nói đã thấy tội. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho Tỳ-kheo Xiển-đà vào giữa Tăng xin xả pháp yết-ma cử tội về việc không thấy tội.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà muốn vào giữa

Tăng xin xả pháp yết-ma cử tội về việc không thấy tội. Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Thế rồi, người này nên vào giữa Tăng xin như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tôi là Tỳ-kheo Xiển-đà, thường phạm các tội trong năm Thiên tội, mà nói không thấy. Vì muốn cho tôi được lợi ích, Tăng đã làm pháp yết-ma cử tội không thấy tội. Những gì cần làm, tôi đã tùy thuận chấp hành. Tự nói đã thấy tội. Nay theo Tăng xin xả pháp yết-ma cử tội không thấy tội. Kính mong đại đức Tăng thương xót, xả pháp yết-ma cử tội không thấy tội cho tôi. (Xin như vậy ba lần).

Thế rồi, người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội thuộc năm Thiên tội, mà tự nói không thấy. Vì muốn cho thầy được lợi ích, Tăng đã làm pháp yết-ma cử tội không thấy tội. Những gì cần làm thầy đã tùy thuận chấp hành. Nay thầy tự nói đã thấy tội, nên theo Tăng xin xả pháp yết-ma cử tội không thấy tội. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay xả pháp yết-ma cử tội không thấy tội cho Tỳ-kheo Xiển-đà. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội thuộc năm Thiên tội, mà tự nói không thấy. Vì muốn cho thầy được lợi ích, Tăng đã làm yết-ma cử tội không thấy tội. Những gì cần làm thầy đã tùy thuận chấp hành. Nay tự nói đã thấy tội, nên theo Tăng xin xả pháp yết-ma cử tội không thấy tội. Các Đại đức nào bằng lòng Tăng xả pháp yết-ma cử tội không thấy tội cho Tỳ-kheo Xiển-đà thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy).

Tăng đã bằng lòng xả pháp yết-ma cử tội không thấy tội cho Tỳ-kheo Xiển-đà xong, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Sau khi Tăng đã xả pháp yết-ma cử tội không thấy tội xong, các Tỳ-kheo liền nói với Xiển-đà: “Này Trưởng lão, tội này nên làm đúng như pháp”. Thầy đáp: “Ông dạy tôi làm đúng như pháp để làm gì? Tôi không thể làm”.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo: “Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội thuộc năm Thiên tội mà không thể cải hóa đúng như pháp, thì Tăng nên làm yết-ma về việc phạm tội mà không thể cải hóa”. Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm

các tội thuộc năm Thiên tội mà không chịu cải hóa đúng pháp. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho Tỳ-kheo Xiển-đà pháp yết-ma cử tội về việc phạm tội mà không chịu cải hóa đúng như pháp. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội thuộc năm Thiên tội mà không chịu cải hóa đúng như pháp. Tăng nay cho Tỳ-kheo Xiển-đà pháp yết-ma cử tội về việc phạm tội mà không chịu cải tạo đúng như pháp. Các Đại đức nào bằng lòng Tăng cho Tỳ-kheo Xiển-đà pháp yết-ma cử tội về việc phạm tội mà không chịu cải hóa đúng như pháp thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo Xiển-đà pháp yết-ma về việc phạm tội mà không chịu cải hóa đúng như pháp xong, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này là như vậy.

